

TỦ SÁCH SƯ - PHẠM

TRẦN - VĂN - QUẾ

Giáo - Sư - Trường Quốc - Gia Sư - Phạm

Sư - phạm

thực - hành

*Soạn theo Chương-trình
hiện - hành*

IN LẦN THỨ NHẤT

1964

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

NGUYÊN-TẮC CẢI-TỒ CHƯƠNG-TRÌNH TIỂU-HỌC

(rút trong Chương-trình tiểu-học ban hành ngày 16-7-1959)

I. — NGUYÊN-TẮC CỦA NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM.

1 — Nền Giáo-dục Việt-Nam phải là một nền Giáo-dục Nhân-bản, tôn-trọng giá-trị thiêng-liêng của con người, lấy chính con người làm cứu cánh, và như vậy, nhằm mục-đích phát-triển toàn diện con người.

2 — Nền Giáo-dục Việt-Nam phải là một nền Giáo-dục dân-tộc, tôn-trọng giá-trị truyền thống mật-thiết liên-quan với những cảnh-huống sinh-hoạt như gia-đình, nghề-nghiệp, đất nước và bảo đảm hữu hiệu cho sự sinh-tồn, phát-triển của Quốc-gia dân-tộc.

3 — Nền Giáo-dục Việt-Nam phải có tinh cách khai-phóng, tôn-trọng tinh-thần khoa-học, phát-huy tinh-thần dân-chủ và xã-hội, thái-thai tinh-hoa của nền văn-hóa thế-giới.

II. — ĐẶC-TÍNH CỦA NỀN TIỂU-HỌC VIỆT-NAM.

Căn-cứ vào ba nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-Nam đã được ấn định, nền Tiểu-học Việt-Nam cần có những đặc-tính sau đây :

A.— Tôn-trọng nhân-cách trẻ em :

- 1) — Giúp trẻ phát-triển điều-hòa và trọn vẹn tùy theo bản-chất cá-nhân và căn-cứ trên định-luật này nở tự nhiên về thể-xác cũng như về tâm-lý.
- 2) — Tôn-trọng cá-tính và sở-năng riêng-biệt của trẻ.
- 3) — Triệt-đề áp-dụng kỷ-luật tự-giác.
- 4) — Tránh mọi hình-phạt phạm đến nhân-vị của trẻ.

B.— Phát-triển tinh-thần quốc-gia dân-tộc :

- 1) — Lấy đời sống nhân-dân và thực-trạng xã-hội Việt-Nam làm đối-tượng.
- 2) — Lấy Quốc-sử để rèn-luyện tinh-thần ái-quốc, nêu cao ý chí tranh-đấu của dân-tộc, gây tình thân-ái và đoàn-kết.
- 3) — Dùng Quốc-văn làm lợi-khí sắc bén để trau-giồi tư-tưởng quốc-gia.
- 4) — Nêu cao vẻ đẹp của non sông Việt-Nam, những tài-nguyên phong-phú của đất nước, những đức-tính cố-hữu của dân-tộc.
- 5) — Duy-tri đạo-lý cổ-truyền và những thuần-phong mỹ-tục của dân-tộc.
- 6) — Gây đức-tính tự-tin, tự-lập, tự-cường.

C.— Rèn-luyện tinh-thần dân-chủ và khoa-học :

- 1) — Triệt-đề áp-dụng tổ-chức « hàng đội tự-trị », phát-triển tinh-thần tập-thể, (chơi tập-thể, làm việc tập-thể) và gây ý-thức cộng-đồng.
- 2) — Rèn-luyện óc phê-phán, tinh-thần trách-nhiệm, tinh-thần kỷ-luật.

3) — Kích-thích tinh hiếu kỳ của trẻ, phát-triển tinh-thần khoa-học.

4) — Bài-trừ dị-đoan, mê-tin.

5) — Thâu-thái tinh-hoa văn-hóa nước ngoài song song với việc phát-huy tinh-thần dân-tộc.

III. — NHỮNG NÉT CHÍNH TRONG VIỆC SỬA ĐỔI CHƯƠNG-TRÌNH TIỂU-HỌC.

Chương-trình Tiểu-học ban-hành đầu niên-học 1956-1957, tuy đã được soạn-thảo, theo tinh-thần mới đề phù-hợp với tinh-thần độc-lập của nước nhà và sự tiến-hóa của dân-tộc, nhưng sau 3 năm kinh-nghiệm, Bộ Quốc-gia Giáo - dục nhận thấy cần phải cải-thiện thêm cho thích-ứng với hoàn-cảnh và nhu-cầu hiện-tại.

Căn-cứ vào ba nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-Nam và những đặc-tính của nền Tiểu-học, việc sửa đổi chương-trình tiểu-học chú trọng đến những điểm sau đây :

1. — Rút nhẹ chương-trình :

Chương-trình tiểu-học cần được rút nhẹ đề :

a) — Sát với tuổi sinh-lý và tâm-lý của trẻ, thích ứng với nhu-cầu thực-tế.

b) — Tránh lối học nhồi sọ.

c) — Giúp cho trẻ phát-triển điều-hòa về mọi mặt : trí-dục, đức-dục và thể-dục.

d) — Gắn liền học với hành, hòa đời sống của học-sinh vào đời sống của nhân-dân, khiến chúng có nhiều cơ-hội học hỏi nhân-dân đồng thời giúp đỡ nhân-dân.

2. — Bãi-bỏ ngoại-ngữ : Theo chương-trình Trung-học

sửa đổi lại do Nghị-Định số 1289 - GD/NĐ ngày 12-8-1958, thì khi lên Đệ-thất học-sinh mới bắt đầu học ngoại-ngữ và được tự do lựa chọn một trong hai sinh-ngữ Anh-văn hoặc Pháp-văn. Như vậy, việc dạy Pháp-văn ở bậc Tiểu-học xét ra không thiết-thực nữa, cần phải bãi bỏ, để trẻ em có thêm thời-giờ trau-giồi về Quốc-văn mà giá-trị cần được nâng cao ở tất cả các ngành và các bậc học.

3.— Bãi bỏ ban Hướng-nghiệp : Ban Hướng-nghiệp thiết-lập do chương-trình ban-hành đầu niên-học 1956-57 có mục-đích tập cho những học-sinh bắt buộc phải trở về với công việc đồng áng, quen và thích sự sinh-hoạt ở chung quanh, để chúng khỏi bỏ ngỡ sau khi rời khỏi ghế nhà trường Tiểu-học.

Theo tinh-thần giáo-dục mới thì không riêng những trẻ em này, mà tất cả các học-sinh đều phải được rèn luyện để có thể giúp ích cho đời sống hằng ngày tùy từng địa-phương và tùy theo khả-năng và sức lực của trẻ. Vì vậy, không cần chia thành hai ban : dự-bị trung-học và hướng-nghiệp nữa.


IV.— PHƯƠNG-PHÁP SƯ-PHẠM — TÀI-LIỆU GIÁO-KHOA.

Soạn thảo một chương-trình đầy đủ chưa phải là hoàn-thành được công-cuộc cải-tiến giáo-dục. Để đạt được kết-quả mong muốn, điều cốt-yếu là phải áp-dụng chương-trình theo tinh-thần mới, việc giảng dạy phải theo những phương-pháp sư-phạm mới : phương-pháp hoạt-động, cụ-thể, thịnh-thị.

Chỉ-thị ngày 24-8-1949 và thông-tư số 843 - GD ngày 25-2-1952 của Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã nói rõ đại-cương về tinh-thần mới phải theo và phương-pháp sư-phạm mới phải áp-dụng để cho việc giáo-dục con em được thích-ứng với nhịp sống của dân-tộc trên con đường tiến-hóa. Thêm vào đó, mỗi môn học sẽ có chỉ-thị riêng nhấn mạnh vào những đặc-điểm của chương-trình cải-tổ

và dẫn giải những phương-sách cần-thiết để trường tiểu-học có thể tích-cực hoạt-động theo những khuynh-hướng mới và làm tròn nhiệm-vụ của nó.

Ngoài ra, những điều giảng dạy cho trẻ phải được thấm-nhuần tinh-thần giáo-dục mới. Vì vậy, việc biên-soạn hoặc lựa chọn tài-liệu giáo-khoa phải triệt-đề căn-cứ vào ba nguyên-tắc căn-bản của nền Giáo-dục Việt-Nam nói chung và những đặc-tính của nền Tiểu-học nói riêng, nhất là về Quốc-văn, Việt-sử, Địa-lý, Đức-dục, Công-dân Giáo-dục v.v..., là những môn không thể giảng dạy theo những tài-liệu lỗi-thời, không thích-ứng với hoàn-cảnh và nhu-cầu Việt-Nam hiện tại.



CHƯƠNG MỘT

VIỆT-NGŨ

LỜI CHỈ DẪN CỦA BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC

(Chương-trình tiểu-học ban hành ngày 16-7-1959)

Ngày nay khoa Việt-ngữ được dùng để rèn-đúc và phát-huy tư-tưởng dân-tộc. Ngoài ra, khoa này còn nhằm mục-dịch :

1^o) Về thực-tế, trực-tiếp làm cho học-sinh bậc sơ-tiểu có một căn-bản ngữ-vựng cần-thiết cho sự học-tập.

2^o) Giúp cho học-sinh có những tài-liệu dùng trong sự tiếp xúc hằng ngày :

a) Phát-biểu tư-tưởng của mình bằng lời nói hoặc câu văn.

b) Hiểu biết tư-tưởng của những người chung quanh mình khi nghe lời nói hoặc khi đọc câu văn.

Chương-trình Việt-ngữ gồm có :

— Ngữ-vựng.

— Tập-đọc, Học-thuộc-lòng.

— Chính-tả và Văn-phạm, Tập-viết.

— Tập làm-văn.

Trong thời-khóa-biểu các lớp tiểu-học đều có ghi những môn ấy, duy môn Tập làm văn không ghi ở thời-khóa-biểu lớp Năm. Trong những giờ Ngữ-vựng và Tập-đọc giáo-chức phải tập cho học trò nói chuyện (nói bạo-dạn và cho tự-nhiên, có thứ-tự, có đầu đuôi, đừng kéo dài từng tiếng một). Còn môn Văn-phạm thì chỉ ghi trong chương-trình lớp Nhì và lớp Nhất, nhưng cũng cốt để dạy đại-cương về Ngữ-pháp mà thôi. Giáo-chức sẽ dùng những bài Chính-tả hoặc Tập-đọc để giúp học-sinh nhận-xét một vài định-luật thông thường riêng của Việt-ngữ để giúp chúng trong việc tập làm văn.

Những vấn-đề trong chương-trình đã ấn-định sẽ học đi học lại kỹ-lưỡng theo phương-pháp tiệm-tiến, đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết, từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ chỗ cụ-thể đến chỗ trừu-tượng. Giáo-chức phải dùng vật-liệu, tranh ảnh hoặc tử-dụ thiết-thực để cụ-thể hóa tất cả các vấn-đề đem dạy cho học-trò. Mỗi vấn-đề sẽ dùng làm chủ-điểm cho tất cả các môn Ngữ-vựng, Tập-đọc, Học-thuộc-lòng, Chính-tả, Tập-làm-văn. Trong lúc dạy Việt-ngữ, giáo-chức nên nhớ rằng chương-trình ấy không phải đứng tách hẳn chương-trình của các môn khác như Đức-dục, Công-dân giáo-dục, Quốc-sử, Địa-lý v...v... mà phải cố tìm cách cho tương-trình các môn ấy và khoa Việt-ngữ có liên-lạc với nhau.

Ở lớp Nhì và lớp Nhất, những danh-từ khoa-học và kỹ-thuật (thuật-ngữ), những danh-từ Hán-việt hoặc ngoại-lai (tán-ngữ), những danh-từ thường dùng trong công-văn sẽ chiếm một phần quan-trọng. Các tiếng gốc ở chữ Hán sẽ dạy nhiều hơn và giảng kỹ hơn, theo lối tách riêng từng chữ rồi hợp lại giải-nghĩa toàn cả tiếng, hoặc các câu thành-ngữ.

Đặc-biệt chú-ý về Việt-ngữ : nên nhẹ về phần tầm-chương trích-cú, nghệ-thuật vi nghệ-thuật, mà phải chú-ý đê-cao vấn-đề nghệ-thuật vi nhơn-sinh (phục-vụ cho đạo-đức con người, cho hạnh-phúc, cho an-ninh xã-hội, cho độc-lập, tự-do).

* * *

I. NGŨ-VỤNG

A) THÌ-GIỜ DÀNH CHO MÔN VIỆT-NGŨ Ở CÁC LỚP SƠ-TIÊU.

Lớp Năm : 2 giờ 30 phút.

Lớp Tư : 1 giờ 50 phút.

Lớp Ba : 1 giờ 50 phút.

Lớp Nhì và Lớp Nhứt (Nữ-sinh) : Ngũ-vụng và tập-đọc 2 giờ 45 phút.

Lớp Nhì và Lớp Nhứt (Nam-sinh) : Ngũ-vụng và tập-đọc 3 giờ 15 phút.

B) CHƯƠNG - TRÌNH MÔN NGŨ - VỤNG ÁP - DỤNG CHO CÁC LỚP HỌC TRƯỜNG SƠ-TIÊU (do Bộ Quốc-gia Giáo-dục ấn-định ngày 16-7 năm 1959).

Lời dẫn : Giáo-viên mỗi lớp sẽ tùy chủ-điêm, tùy địa-phương, tùy thời-tiết... mà dạy các mục sau, mục nào trước, mục nào sau tùy tiện.

LỚP NĂM

Trong đệ nhất lục-cá-nguyệt không có bài Ngũ-vụng chính thức. Trẻ con học ngữ-vụng trong những môn học khác. Giờ Ngũ-vụng ghi trong thời-khóa-biểu sẽ dùng cho trẻ tập nói chuyện, nhận-xét về hình-dáng, các cỡ lớn nhỏ, màu sắc, vị-trí... để trẻ tập so-sánh và suy-luận. Chỉ trong đệ nhị lục-cá-nguyệt mới có bài Ngũ-vụng chính-thức theo những mục sau đây :

Học-đường : Nhà trường, lớp học, các phòng, đồ đạc trong trường (bàn ghế). Công việc ở học-đường. Các môn học. Thể-thao và trò chơi.

Gia-đình : Ông bà, cha mẹ, anh chị em. Công-ơn cha mẹ. Bồn-phận đối với người trong gia-đình.

LỚP TƯ

Học-đường : Hiệu-trưởng, giáo-chức, học-trò, anh em bạn, các trò chơi (đạy nhiều tiếng hơn ở lớp Năm). Bồn-phận học trò ở học-đường.

Thân-thể : Các bộ-phận bên ngoài thân-thể và công-dụng vệ sinh (tắm, rửa, xỉa răng, đánh răng, chải tóc).

Ăn uống : Các thứ đồ ăn, các thứ đồ uống. Các đồ-dùng trong việc ăn uống—Vệ-sinh về ăn uống.

Quần áo : Các thứ quần áo Việt-Nam (áo dài, áo cánh, áo bà ba, áo cụt tay, áo ấm, quần dài, quần đùi), khăn, giày, dép, nón, mũ. Giặt-ũi. Việc giữ gìn quần áo.

Nhà cửa : Các thứ nhà (nhà gạch, nhà tranh, nhà lá...) Các gian nhà. Đồ đạc thường dùng trong nhà.

Gia-đình : Cô dì, chú bác, cậu mợ. Cách xưng hô. Công ơn cha mẹ, ông bà, cô dì... Bồn-phận đối với người trong gia-tộc.

Súc vật : Gia-súc, chăn-nuôi.

LỚP BA

Thời giờ : Ngày, tuần-lễ, tháng, năm.

Thân-thể : Các bộ-phận bên trong. Bệnh tật.

Ăn uống : Cách làm các thức ăn (xào, nấu).

Nhà cửa : Nhà trệt, nhà lầu, nhà gác, nhà sàn, lều, túp, chòi. Các phòng trong một nhà gạch. Các đồ dùng trong nhà.

Gia-đình : Gia-tộc, Tổ-tiên, Họ nội, Họ ngoại, Anh

em, chị em họ (con chú, con bác, con cô, con cậu, đôi con dì). Anh em cùng cha khác mẹ. Mồ côi. Tình-cảm.

Thôn quê : Nhà cửa, vườn ruộng ; Công việc đồng áng.

Thú-vật : Chim, cá. Nghề đánh cá. Dã-thú. Rừng núi. Săn-bắn.

LỚP NHÌ

Thôn-quê và thành-thị : Công-sở. Dinh-thự. Cách sinh-hoạt ở thôn-quê và thành-thị. Các cơ-quan hành chánh. Những thuần-phong mỹ-tục.

Nghề-nghiệp : Các nghề-nghiệp. Đồ dùng của thợ. Các nhà máy.

Thương-mại : Cửa hàng. Chợ. Hàng-hóa. Việc buôn bán. Sổ sách.

Giao-thông : Sự giao-thông và các cách vận-tải. Bưu-chính (thư-từ, điện-tín, điện-thoại, ngân-phiếu, bưu-điện v.v...)

Vũ-trụ : Trời-đất. Các hiện - tượng trong trời đất. Thời-tiết. Các khí-cụ để biết thời-tiết. Âm-lịch và Dương-lịch.

LỚP NHẤT

Sự hoạt-động về thể-chất : Trò chơi có tinh-cách thể-thao. Du-ngoạn, du-lich.

Sự hoạt-động về tinh-thần : Các bậc học. Các khoa chuyên - môn. Các nhà bác - học, phòng thí - nghiệm. Sự sáng-chế. Các ngành văn-hóa.

Kỹ-nghệ và thương-mại : Công kỹ-nghệ. Hải-cảng. Xuất-cảng. Nhập-cảng.

Xã-hội : Cứu-tế. Hội-thiện. Hợp - tác - xã. Chung-tộc, Tôn-giáo. Chính-thề.

Xã-hội : Quán-nhân. Võ-khí. Chiến-tranh. Hòa-bình. Quân-dịch.

C) MỤC-ĐÍCH.

Mục-đích. — Môn Ngữ-vựng gồm có các điểm sau đây :

1) Ở các lớp nhỏ bậc sơ - tiểu (lớp năm, lớp tư, lớp ba) giúp trẻ-con biết được nhiều tiếng một (đơn hoặc kép) để diễn-đạt tư-tưởng dễ-dàng, rành-mạch.

2) Ở các lớp lớn (lớp nhì, lớp nhất, lớp tiếp-liên) giúp trẻ-con biết một số tối-thiểu các tiếng rời, tiếng một thuộc phạm-vi các hoạt-động của nhân-loại như : Chính-trị, kinh-tế, khoa-học, mỹ-thuật, kỹ-nghệ, thương-mại, canh-nông, âm-nhạc, văn-chương, tôn giáo v.v... khả dĩ giúp chúng diễn-đạt tư-tưởng một cách rành-mạch trong các cuộc nói chuyện, nhưt là trong sự làm bài Tác-văn.

3) Tập trẻ-con ăn nói rõ ràng, dạn-dĩ trước đám đông.

4) Áp-dụng các mẹo-luật văn-phạm đã học rồi bằng cách nêu lên thí-dụ các loại từ Văn-phạm.

5) Làm nổi-bật sự liên-quan mật-thiết giữa môn Ngữ-vựng và các môn khác, trợ-lực cho môn Tác-văn bằng cách cho trẻ-con áp-dụng những tiếng mới mượn ở các môn học trong sự đặt ra những câu ngẩn.

D) PHƯƠNG-PHÁP DẠY MÔN NGỮ-VỤNG.

1^o) **Nguyên-tắc căn-bản** : Trẻ con mới lớn lên, vì kiến-thức chưa rộng nên không biết tên các đồ vật, các thảo-mộc, các thú-cầm, các hạng người và cũng không rõ gọi một hành-động này là gì, một cử-chỉ kia là sao. Bởi thế chúng thường dùng những danh-từ trừu-tượng có ý-nghĩa tổng-quát, mơ-hồ như : cái ấy, cái kia, việc này, việc nọ, để chỉ các sự vật, các hành-động mà chúng thấy trước mắt chúng. Vì lẽ đó mà khi dạy môn Ngữ-vựng ở các lớp nhỏ bậc sơ tiểu (lớp năm, lớp tư, lớp ba) giáo-chức phải cụ-thể-hóa bài dạy bằng cách « đề vật

trước lời ». Có thấy một vật gì cụ-thể thì chúng mới hiểu biết ý-nghĩa danh từ chỉ-định vật ấy mà không lầm-lẫn tên vật này với tên vật khác được. Đối với các hành-động, các cử-chỉ cũng thế. Giáo-chức cần cho chúng thấy hành-động này thì được gọi tên như thế này, hành-động kia thì có tên như thế kia. Một khi đã có kinh-nghiệm rồi thì kỳ sau hễ thấy vật thì chúng biết tên ngay. Công-dụng của bài Ngữ-vựng là ở chỗ đó. Nếu dạy môn ngữ-vựng mà không cụ-thể-hóa bài dạy bằng đồ-vật, thảo-mộc, thú-cầm và tranh-ảnh, hoặc bằng những cử-động, bộ-điệu cụ-thể, thì bài dạy sẽ mất hết ý-nghĩa. Rốt cuộc trẻ con sẽ có một số trí-thức lò-mờ, lộn-xộn, có hại cho chúng. Những tiếng mới ấy phải ở trong những câu ngắn hoặc những bài văn ngắn.

Ở các lớp lớn (lớp nhì, lớp nhất, lớp tiếp-liên) trường sơ-tiểu, trình-độ của trẻ con cao hơn. Đối với chúng, giáo-chức trong giờ dạy môn Ngữ-vựng có thể định-nghĩa mấy tiếng mới trừu-tượng bằng cách dựa vào các tiếng mà chúng đã biết rõ nghĩa rồi. Tuy-nhiên trong nhiều trường-hợp, giáo-chức cũng vẫn còn cần-dùng đồ-vật, tranh-ảnh để định-nghĩa các tiếng mới ấy hoặc những bài văn có những tiếng mới ấy.

Điều cần chú-ý :

Đối với các lớp nhỏ trường sơ-tiểu, đến giờ dạy môn Ngữ-vựng, có sự kể tên những đồ vật, những cử-động nhưng ở trong những câu ngắn. Tuyệt nhiên không nên cho trẻ học chữ rời.

Đối với các lớp lớn trường sơ-tiểu, thì lại có sự tập quan-sát và tập nói. Giáo-chức đặt đồ vật trước mặt trẻ con để chúng được tự-do xem xét, sờ mó, ngửi, nếm, v.v... hoặc những tranh ảnh.

Tuy-nhiên, sự quan-sát ở đây không có tính cách tỉ-

mỉ, đi sâu vào chi-tiết như một bài quan-sát chính-thức. Thí-dụ : Bài Ngữ-vựng bữa nay nói về các thức uống. Giáo-chức cho mang vào phòng học các thứ như nước trà, nước chín, nước đá, nước cam, nước chanh, sô-đa, la-ve (bia), rượu trắng v.v... Giáo-chức giúp trẻ em tìm ra tên các thứ ấy, màu sắc, mùi vị, và công-dụng mà không đi sâu vào sự phân-chất và cách chế-lạo, để khỏi lẫn bài Ngữ-vựng với bài Quan-sát.

2^o) Cách thức dạy môn ngữ-vựng ở các lớp nhỏ bậc sơ-tiểu (lớp năm, lớp tư, lớp ba).

a) Cho trẻ con xem, sờ-mó, nếm-ngửi các đồ vật (đồ vật, thảo-mộc, thú-cầm, tranh-ảnh). Nếu được, cần cho mỗi trẻ, hoặc ít nhất mỗi bàn, một đồ vật kiểu-mẫu.

b) Giáo-chức giúp trẻ con tìm ra tên, màu sắc, mùi vị, các đồ vật kiểu-mẫu ấy, và viết các chữ mới lên bảng đen theo từng loại (danh-từ, động-từ, tính-từ v.v....)

c) Giáo-chức đọc qua các chữ ấy cho đúng giọng rồi bảo các trẻ-con đọc theo (toàn lớp đọc trước, cá-nhân đọc sau) và sửa giọng đọc của chúng.

d) Giáo-chức bảo trẻ con chú-ý vào cách viết các chữ ấy (có g, không g, t hoặc c, dấu ʹ hay dấu ˘, i hay y, v.v...)

e) Giáo-chức bảo trẻ con viết các chữ mới ấy từng chữ một vào bảng đá con và giơ lên. Giáo-chức sửa mấy chỗ sai.

f) Trẻ-con viết các chữ mới vào tập (số chữ mới này từ 3 đến 8 chữ là nhiều).

BÀI ÁP-DỤNG

Ở lớp tư : Trẻ con tập điền chữ trong những câu ngắn, các chữ ấy có nghĩa giản-dị, thông-dụng vừa sức trẻ con.

Ở lớp ba : Giáo - chức cho nhiều chữ rời mới học. Trẻ con phải dùng mỗi chữ mà làm thành câu ngắn có ý-nghĩa. Ở lớp này, khi dạy một bài Tập-đọc, giáo-chức có thể nêu lên mấy chữ khó để làm tài-liệu cho bài ngữ-vựng.

Ở các lớp lớn bậc sơ-tiêu (lớp nhì, lớp nhứt, lớp tiếp-liên).

Ở các lớp này học-sinh tiếp-tục học những tiếng có ý-nghĩa cụ-thể nhưng trong phạm-vi rộng lớn hơn. Đồng thời chúng cũng bắt đầu học những chữ trừu-tượng bằng cách đi từ chỗ biết đến chỗ không biết, nghĩa là chúng căn-cứ vào những chữ trừu-tượng thông-thường mà chúng đã hiểu rõ ý-nghĩa để định-nghĩa những chữ trừu-tượng mới. Ở các lớp này chúng đã khởi sự xem xét, khảo-cứu, dưới sự hướng-dẫn của giáo-chức, giải-nghĩa những chữ mới trích trong một bài văn ra : nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa chính ; và tập phân-biệt nghĩa của các chữ đồng âm, đồng-nghĩa, các chữ đối-chọi, các chữ có hình-thức tương-tự nhau mà nghĩa rất khác xa (Thí dụ : Thân-chính với thân-hành ; minh-thệ với minh-chứng). Đồng thời chúng cũng tập phân-tích ra từng phần đơn, những Hán-Việt từ-ngữ, định rõ nghĩa của mỗi phần ấy để rồi ấn-định nghĩa rõ-rệt, nghĩa tổng-hợp của mỗi từ-ngữ.

Ở các lớp nói trên, bài Tập-đọc hay là bài Giảng-văn bài Âm-tả, hay là bài Chính-tả được lấy làm bài Ngữ-vựng để giúp học-sinh xem nghĩa của toàn câu, toàn bài mà nghiệm ra nghĩa của một chữ khó.

BÀI ÁP-DỤNG

Ở các lớp nói trên, bài áp-dụng gồm có sự đặt những câu với những chữ mới trong bài. Các câu ấy phải có nghĩa rõ-rệt và liên-hệ nhau hầu kết thành một bài văn con có thủ, có vĩ. Cách hành-văn được đặc-biệt chú-ý. Cách phó-diễn tư-tưởng phải được tự-nhiên. Đó là phương-

pháp phổ-diễn tư-tưởng hữu-hiệu nhất. Nó chuẩn-bị học-sinh vào cách làm bài Tác-văn.

E) MÔN NGŨ-VỤNG VỚI SỰ TẬP NÓI.

Trong khi dạy môn Ngũ-vụng, giáo-chức cũng tập trẻ-con nói, nghĩa là tập trẻ-con diễn-đạt tư-tưởng. Càng ngày càng lớn, trẻ con nhờ kinh-nghệm mà dần dần có nhiều ý-kiến, nhưng chưa biết trình bày ý-kiến ấy ra một cách rành rọt. Chính vì điểm đó giáo-chức phải tập chúng nói cho thường, diễn đạt tư-tưởng một cách rành-rọt và tự-nhiên. Những trẻ con nào nhút-nhát, cần được gọi lên để tập nói cho thường. Trong trường hợp ấy, đối với chúng giáo-chức phải tỏ ra rất nhã-nhặn, thiệp - thế để an-ủi, khuyến-khích chúng, làm cho chúng trở nên dạn-dĩ. Về điểm này, sự chạm lòng tự-ái chúng là điều tối-ky vậy.

Giáo-chức có thể giải-thích một tranh ảnh, thuật một mẩu-chuyện rồi bảo chúng nói lại suông-sẻ, rành mạch.

Sau một cuộc du-ngoạn, giáo-chức bảo chúng phúc-trình lại những điều nghe thấy.

Chính trong các bài phúc-trình này mà chúng được học-hỏi và áp-dụng các chữ mới.

F) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Ngũ-vụng là môn trợ-lực một cách hữu-hiệu cho môn Tác-văn và môn Âm-tả vì lẽ : có biết được nhiều tiếng một (chữ mới) học - sinh mới làm bài Tác-văn một cách dễ-dàng và viết bài Âm-tả ít lỗi.

Giúp tài-liệu cho môn Ngũ-vụng thì có các môn khác trong chương-trình ; hoặc nhiều, như các môn Giảng-văn, Âm-độc ; hoặc ít, như các môn Địa-lý, Sử-ký, Luân-lý, Công-dân giáo-dục, Quan-sát v, v...

Môn Ngũ-vụng đóng một vai trò quan-hệ khi học-sinh học một ngoại-ngữ.

II. TẬP ĐỌC

A) THÌ GIỜ DÀNH CHO MÔN TẬP-ĐỌC Ở CÁC LỚP SƠ - TIỂU.

Lớp Năm: Tập-đọc và học thuộc lòng (3 giờ + 1 giờ) = 4 giờ.

Lớp Tư: Tập-đọc và Học-thuộc-lòng: 1 giờ 20' + 1 giờ) = 2 giờ 20 phút.

Lớp Ba: Tập-đọc và Học-thuộc-lòng: 1 giờ 20' + 0 giờ 50' = 2 giờ 10 phút.

Lớp Nhi (Nam-sinh): Ngữ-vựng và Tập đọc 3 giờ 15'.
Học-thuộc-lòng 30 phút.

Lớp Nhi (Nữ-sinh): Tập-đọc và Ngữ-vựng: 2 giờ 45'.
Học-thuộc-lòng: 0 giờ 30'

Lớp Nhứt (Nam-sinh): Ngữ-vựng và Tập đọc: 3 giờ 15'.
Học-thuộc-lòng: 0 giờ 30'.

Lớp Nhứt (Nữ-sinh): Ngữ-vựng và Tập đọc: 2 giờ 45'.
Học-thuộc-lòng: 0 giờ 30'.

B) CHƯƠNG-TRÌNH TẬP-ĐỌC VÀ HỌC THUỘC-LÒNG Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU (do Bộ Giáo-dục ấn-hành năm 1954 và chữa lại năm 1959).

LỚP NĂM

Tập nhận và nhớ mặt chữ quốc-ngữ, đọc từng tiếng, từng câu ngắn. Bắt đầu nửa năm học về sau, học trò phải biết đọc từng bài ngắn liên quan với chương-trình Ngữ-vựng. Cho học thuộc-lòng những câu ca-dao, tục-ngữ, châm-ngôn đượm màu sắc dân-tộc, có ý-nghĩa luân-lý hoặc tương-quan với chương-trình Ngữ-vựng, nhưng phải là những câu hay, có tính-cách thực-tế lại vừa sức hiểu của học-trò. Trong lúc học-trò chưa biết đọc, biết chép bài, giáo-viên nên dùng thính-giác và tập cho học-trò lập

đi lập lại những câu nên thuộc-lòng (Chú ý đến cách đọc cho đúng giọng).

LỚP TƯ

Tập-đọc, học-thuộc-lòng, những bài (văn xuôi hoặc văn vần) hay, ngắn, thiết-thực, có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngũ-vụng, bài quốc-ca, ca-đao ý-vị (Chú-ý đến cách phát-âm và giọng).

LỚP BA

Tập-đọc, học thuộc-lòng những bài (văn xuôi hoặc văn-vần) hay, ngắn, thiết-thực, có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngũ-vụng (Tập-đọc cho trôi-chảy, tự-nhiên, dừng ê, a).

LỚP NHÌ

Tập-đọc, giải-nghĩa, học-thuộc-lòng những bài văn hay và ngắn bằng văn-xuôi hoặc văn-vần, có tính-cách luân-lý, thiết-thực. Nên chọn những bài văn mới có tinh-thần quốc-gia hay xã-hội. (Tập-đọc cho trôi chảy và có ý-vị; đọc tự-nhiên, dừng ngâm-nga, dừng ê a; để ý các nhỡn-tự) giọng đọc phải thích-hợp với ý-tưởng, tính-cách và tinh-tiết trong bài.

LỚP NHỨT

Tập-đọc học thuộc-lòng những bài văn hay, vừa sức hiểu biết của học-sinh, trích ở tác-phẩm của các văn-sĩ, thi-sĩ, và các nhà chí-sĩ hiện-đại; tập cho quen các lối văn. Tập cho học trò phê-bình, giải-thích. Đọc những tác-phẩm khuynh-hướng về đạo-lý, về chủ-nghĩa quốc-gia, về tinh-cảm, về trào phúng của các văn-gia và thi-gia cận-đại.

C) PHƯƠNG-PHÁP ÁP-DỤNG MÔN TẬP-ĐỌC THEO LỐI XƯA NAY Ở CÁC TRƯỜNG SƠ-TIỂU

1) Môn tập-đọc ở lớp Năm (lớp đồng-ấu). Ở lớp năm trường sơ-tiểu môn Tập-đọc được dạy dưới một trong ba hình-thức sau đây.

Phương-pháp đánh vần từ chữ cái trong mỗi tự (*mot*) (méthode d'épellation).

Phương-pháp đánh từng vần một và ghép-vần trong mỗi tự (*mot*) (méthode syllabique).

Phương-pháp tổng-quát (méthode globale). Tất cả ba phương-pháp đều giúp trẻ con nhận-thức đặng sự phối-hợp nhau giữa những dấu của chữ viết (quốc-tự) và những âm của tiếng nói (quốc-ngữ).

Thực ra, muốn dạy môn Tập-đọc ở lớp năm, người ta có thể, hoặc là khởi sự từ một yếu-tố đơn-thuần và siêu-hình gọi là chữ cái, dấu viết (*lettre*) hay là âm (*son*). Khi trẻ con đã biết nhận ra mỗi dấu, mỗi chữ cái và sự hỗn-hợp của nhiều chữ cái thì trẻ con phải đi lần đến sự đọc được các hỗn-hợp các chữ cái hay là các tự (*les mots*) trong một câu và đến sự hiểu rõ nghĩa của toàn câu. Như vậy trí-óc trẻ con sẽ đi từ thành phần đến cơ-cấu tổng-quát. Phương-pháp tập-đọc như thế được gọi là phương-pháp tổng-hợp (méthode synthétique) hay là phương-pháp gọi tên các chữ cái trong mỗi tự (méthode d'épellation).

Hoặc là khởi sự từ một cơ-cấu có nhiều tự (*mots*) có một ý-nghĩa rõ-rệt gọi là câu dễ rồi đi đến sự phân-biệt nhiều tự trong câu và nhờ sự so-sánh mà đi đến sự phân-biệt các vần trong mỗi tự và sau cùng là sự phân-biệt các chữ cái trong mỗi vần, (*syllabe*). Như vậy trí-não trẻ con đi từ cơ-cấu tổng-quát dễ rồi cuối cùng đi đến yếu-tố đơn-thuần trong mỗi tự của câu. Phương-pháp tập-đọc này được gọi là phương-phân-tách (méthode analytique) hay là phương-pháp tổng-quát (méthode globale).

Phương-pháp đánh mỗi tự ra từng vần (méthode syllabique) thường bị lẫn-lộn với phương-pháp tổng-hợp (méthode synthétique) nếu phương-pháp này coi mỗi vần là một âm-yếu-tố (élément phonétique) của một tự (*le mot*).

Nhiều nhà sư-phạm lại đề-xương lên phương-pháp hỗn-hợp (méthode mixte) có cả phương-pháp phân-tách và phương-pháp tổng-hợp.

Phương - pháp tổng - hợp (méthode synthétique). Tức là phương-pháp dạy gọi tên các chữ cái trong mỗi tự (*le mot*). Nó được gọi là phương-pháp đánh vần các chữ cái trong mỗi tự (méthode d'épellation). Sở-dĩ nó được gọi là phương-pháp tổng-hợp là vì trí-óc trẻ con sẽ đi từ yếu-tố đơn-thuần, trừu-tượng, là chữ cái để rồi cuối cùng đến ý-nghĩa của toàn câu, tổng-hợp ý-nghĩa của các tự mà trong đó có các chữ cái.

Phương-pháp tổng-hợp cũng được gọi là phương-pháp cổ-truyền vì nó đã được áp dụng từ lâu. Đã từ lâu các chữ cái được gọi bằng tên thường của nó là :

a thì gọi là a ; b thì gọi là bê ; c thì gọi là xê ; d thì gọi là dê ; đ thì gọi là đê v.v... chớ không gọi các chữ cái ấy bằng các âm như : a, bờ, cờ, dờ, đờ, v.v...

Thí-dụ muốn đọc tự « bàn » thì người ta dạy trẻ con đọc : bê a ba anh nờ ban, huyền bàn.

Theo cách tập đọc này, những chữ cái không được đọc với âm của nó. Như thế sự tập đọc một tự (*le mot*) nào, sẽ là một trở-ngại cho trẻ-con.

Lại nữa, cách tập đọc như thế không sắp-xếp các chữ cái (*lettres*), các vần (*syllabes*) và những tự (*les mots*) theo một trật-tự hợp-lý. Dù sao, với phương-pháp này, trẻ con biết rõ tên mỗi chữ cái, điều rất cần-thiết khi sửa một bài ám-tả.

Từ thế kỷ thứ 17, tại tu-viện Port Royal bên Pháp, người ta đã áp-dụng phương-pháp tập-đọc như sau :

Những chữ cái được gọi theo âm các chữ ấy. Thí-dụ : *San* thì được gọi như sau : sờ a sa anh nờ san.

Như thế, sự tập-đọc sẽ được mau và giản-dị hơn cách-cổ-truyền.

Tuy thế, hiện nay người ta lại dạy đọc theo cách này. Thí-dụ : **San** thì đọc : sờ an san

Đau thì đọc : Đờ au đau

Hoạt thì đọc : Hờ oạt-hoạt

Chánh thì đọc : Chờ ánh-chánh v.v...

MỘT VÀI PHƯƠNG-SÁCH ĐẶC-BIỆT.

Muốn cho môn tập-đọc được dễ-dàng và vui-thú, người ta áp-dụng nhiều phương-sách đặc-biệt đáng kể như sau :

a) **Phương-sách biểu-thị tiếng nói bằng bộ-tịch.** (Phonomimi). Theo phương-sách này, mỗi chữ được đọc với một bộ-tịch kèm theo. Thí-dụ : Trong khi giáo-chức đọc chữ S (sờ) thì lấy ngón tay vẽ hình chữ S như con rắn.

Trong khi giáo-chức đọc chữ cái O thì lấy ngón tay ra dấu chữ O (O tròn như quả trứng gà).

b) **Phương-sách dùng hình ảnh.**—

Khi dạy đến chữ cái b thì giáo-chức dùng hình-ảnh các thú, các trái cây, các đồ vật mà tên khi viết ra thì khởi đầu là chữ cái b (bờ) v.v...

Thí-dụ : bò, ba-ba, bắp, bóp, bàn, banh v.v...

c) **Phương-sách viết chữ rời trên giấy cứng.**—

Trên một tấm bảng-den nghiêng-nghiêng dưới có tấm cây bọ, giáo-chức gọi trẻ con lên và đọc các chữ cái cho trẻ-con sắp lại thành vần và các vần thành « tự » (*les mots*).

d) **Phương-sách nhứt-tề về tập-đọc và tập-viết.**—

Hai mươi lăm chữ cái được đọc theo hai loại chữ : chữ in và chữ viết.

Khi đọc lại *chữ viết* thì trẻ-con tập viết luôn.

Sau đó, giáo-chức sẽ viết lên bảng-đen những câu ngắn trong đó có những chữ cái học rồi và bảo trẻ-con tìm ra.

Sau khi trẻ-con bắt đầu biết đọc, biết viết thì giáo-chức sẽ bắt chúng viết những câu ngắn, rút trong các bài đã học rồi để dạy chúng lần lần về môn chính-tả.

CÁCH DẠY MÔN TẬP-ĐỌC THEO PHƯƠNG-PHÁP TỔNG-HỢP.

Trên những bảng giấy cứng treo trên tường đã có in sẵn 25 chữ cái, các vần và các « tự » do các chữ cái ấy hợp thành. Giáo-chức qui-tụ trẻ-con lại trước tấm bảng ấy. Giáo-chức đọc từng chữ rồi bảo mỗi trẻ-con lập lại cho đúng giọng, cho rõ ràng, không trại-bệ, rồi đến phiên toàn lớp lập lại. Đoạn giáo-chức dạy chúng đọc qua các vần rồi các tự. Đây là công việc nhiều ngày, nhiều tuần-nhật chớ không phải công việc của một buổi học.

Khi đọc các chữ cái viết trên giấy cứng, giáo-chức có thể gắn các chữ ấy lên bảng-nỉ, để trẻ-con trông rõ nét mỗi chữ ; chúng nghe giáo-chức đọc các chữ ấy, chúng tự đọc các chữ ấy và sau cùng, chúng viết các chữ ấy vào bảng đá con của chúng. Ấy là áp-dụng bốn loại ký-ức cho môn tập-đọc vậy. Các ký-ức ấy là :

Thị-giác ký-ức (souvenir visuel).

Thính-giác ký-ức (souvenir auditif).

Phát-âm ký-ức (souvenir phonétique).

Đồ-tả ký-ức (souvenir graphique).

PHƯƠNG-PHÁP PHÂN-TÁCH HAY LÀ TỔNG-QUÁT (MÉTHODE GLOBALE)

Sự áp-dụng phương-pháp tổng-hợp theo lối xưa đã bị chỉ-trích rất nhiều, nhất là ở chỗ nó đi từ trừu-tượng

(các chữ cái) đến cụ-thể (các «tự» chỉ các đồ vật, thú-cầm thảo-mộc v.v...), và ngay từ đầu thế-kỷ 18, người ta thay thế nó bằng phương-pháp dạy trẻ con đọc mà không cần nói đến các chữ cái và các vần trong các «tự» (*les mots*), điều mà chúng sẽ biết sau. Đầu thế-kỷ 20 này một nhà sư-phạm trứ-danh người Bỉ là bác-sĩ Décroly và các môn-đồ đều giải-thích phương-pháp này theo khoa-học và khoa tâm-lý nhi-dồng. Theo bác-sĩ Décroly, *trẻ con nhận-thức hình-thể tổng-quát của một vật gì trước khi phân-tách các thành-phần các yếu-tố của vật ấy*. Thí dụ : Khi chúng thấy một cái xe hơi thì nhận-thức hình-thể toàn-diện của cái xe hơi ấy. Đối với chúng, hình-thể toàn-diện của một vật gì là phần cụ-thể của vật ấy. Trái lại, sự nhận-thức một thành phần nào của vật ấy bắt buộc chúng cố-gắng gạt bỏ các thành-phần khác trong trí óc chúng. Một việc làm như thế có tính cách trừu-tượng mà chúng không thích, nếu trình độ chúng không được cao.

Khi giáo-chức viết lên bảng đen câu : « *Tôi đọc sách* » và đồng thời giáo-chức cầm quyển sách và đọc thì tuy rằng trẻ con chưa biết mấy chữ trong ba «tự» : *tôi, đọc sách*, chúng hiểu ngay rằng : Câu ấy chỉ việc đọc sách. Câu « *tôi đọc sách* » là hình ảnh của một việc làm là đọc sách đối với chúng. Thấy hình ảnh của một việc làm thì đó là phần cụ-thể, dễ thấy, dễ hiểu đối với chúng.

Phương-pháp tổng-quát đặc biệt chú-trọng đến sự tiến-hóa của tâm-lý trẻ con. Nó áp-dụng đúng khẩu-hiệu « *Do thiên nhập thâm* ». Thiên ở đây có nghĩa là : cụ-thể, thâm có nghĩa là : trừu-tượng.

Giáo-chức viết lên bảng đen mấy câu.

Tôi đọc sách.

Tôi cầm viết.

Tôi chăm mục.

Sau khi trẻ con đã đọc qua các câu ấy và nhờ các cử-động thích-ứng, đã nhận-thức ý-nghĩa các câu rồi, thì giáo-chức bắt đầu bảo chúng chú ý đến thành phần đầu của ba câu và chỉ rõ những hình giống nhau: chúng sẽ đọc « Tôi » và tìm ra trong hình « Tôi » phần giống nhau. Chúng sẽ tìm ra T. Ô. I. chừng ấy giáo-chức sẽ cho chúng biết :

hình T đọc là tờ,

hình Ô đọc là ô.

hình I đọc là i.

ô và i thì hợp lại thành vần : ÔI.

Và thành phần : TÔI thì đọc; tờ ôi : Tôi.

Phương-pháp tổng-quát được coi là phương-pháp hoạt-động (méthode active), phương-pháp mới. Phương-pháp này tự cấm đoán không dùng những yếu-tố trừu-tượng. Trái lại, phương-pháp này dung-hòa những hình vẽ của chữ viết với những câu mà trẻ con thường nói, thường nghe để rồi chúng tự xem-xét và so-sánh mà biết được các chữ cái và đọc được các « tự » khác.

KỸ-THUẬT CỦA PHƯƠNG-PHÁP TỔNG-QUÁT

Trước khi dạy trẻ con tập đọc theo phương-pháp này, cần dạy cho chúng biết những bài tập luyện có ý-nghĩa giáo-dục cá-nhân như sau :

Các trò chơi về thị-giác có mục-dịch tập trẻ con nhận thức những hình và những vị-trí (positions), biết quan-sát mau lẹ và toàn-diện các cuộc chơi để mở mang sự chú-ý; năng-khiếu ký-ức về thính-giác, tập uốn lưỡi và tập nói cho rõ-ràng.

Các cuộc tập luyện ấy sửa soạn cho trẻ con để tập-đọc

chính-thức. Các cuộc huy-động đúng theo phương-pháp này rất cần, nhưng chung-qui nó qui về việc giúp trẻ con thu-thập được những tài-liệu đầu-tiên như các câu kiểu-mẫu, các tự (*les mots*) quan-trọng và cần thiết. Thứ đến là sự phân-tích (chia một câu ra làm nhiều vần, mỗi vần ra làm nhiều chữ cái).

Sau rốt, là sự tổng-hợp: lập lại những tự (*mots*), những câu do những yếu tố, những thành-phần đã biết.

Phương-pháp này cần dụng-cụ thật nhiều và đầy-đủ như: các bản cần-thiết cho buổi học chung, các nhãn-hiệu, các cuộc chơi (cuộc đố chữ giấy hoa có vẽ các tự) v.v...

SỰ LỰA CHỌN MỘT PHƯƠNG-PHÁP TẬP-ĐỌC.

Cho đến ngày hôm nay, hai phương-pháp tập-đọc: tổng-hợp và tổng-quát đều tranh-giành ảnh-hưởng với nhau. Nhưng không bên nào thắng hẳn bên nào, vì lẽ bên nào cũng có sở-trường và sở-đoan.

Hiện nay, nhiều nhà sư-phạm áp-dụng phương-pháp hỗn-hợp (*méthode mixte*) gồm có những phần mượn của cả hai bên.

Phương-pháp hỗn-hợp mượn ở phương-pháp phân-tách hay tổng-quát nguyên-tắc sau đây: *không khi nào cho trẻ-con đọc một tự (mot) nào, một câu nào mà chúng không rõ ý-nghĩa, và không khi nào chia rẽ cách ráp chữ cái với nghĩa của chữ ấy.* (Thí dụ: C đọc là cờ thì có hình cây cờ kèm theo).

Nhưng phương-pháp hỗn-hợp lại theo một trật-tự từ thấp lên cao trong sự phân-tách các yếu-tố, các thành-phần của mỗi tự, rồi của mỗi câu, hầu giúp trẻ-con quan-sát các cơ-cấu của các tự cốt-yếu của ngữ-vựng thông-thường để đi đến những sự thu-thập chắc-chắn giúp phần đông trẻ-con đọc được và hiểu một bài văn ngắn và dễ, sau một số bài tập-luyện thuần-thục.

2) MÔN TẬP-ĐỌC Ở CÁC LỚP TƯ (lớp dự-bị).

Ở lớp tư, trẻ-con đã biết đọc và biết viết. Chính ở lớp này, chúng bắt đầu tập-đọc thực sự những bài ngắn về văn xuôi hay văn vần, những bài quốc-ca, những ca-dao có ý-vị. Sau khi đã đọc qua một bận và đã giải ý-nghĩa một vài chữ khó, giáo-chức bắt toàn thể lớp học đọc cho đúng giọng, kể đó giáo-chức gọi rất nhiều trẻ-con đứng lên và đọc từng trẻ một. Giáo-chức sửa chữa cách phát-âm, giọng đọc của chúng, tránh sự nói trại bệ, nói dốt.

Ở lớp tư, mục-đích của môn Tập-đọc là dạy trẻ-con cách đọc cho đúng giọng, đọc cho suông-sẻ, không ngập-ngừng, nghĩa là đọc trôi-chảy.

Đến giờ tập-đọc, mỗi trẻ cần được đọc. Nếu vì vấn-đề thì giờ, việc ấy không thể thực-hiện được thì ít ra một số khá đòng phải được đọc. Đến tuần sau thì lại đến phiên toán khác.

Sau khi chúng đọc xong, giáo-chức hỏi trẻ con về đại-ý của bài.

3) MÔN TẬP-ĐỌC Ở LỚP BA.

Cũng như ở lớp tư, các cố-gắng của giáo-chức ở lớp-ba là tập trẻ-con đọc một bài văn cho trôi-chảy, không ngập-ngừng, chớ chưa cần phải đọc có giọng trầm-bồng, hỉ-nộ, tùy chỗ.

Trẻ-con ở lớp ba học qua chương-trình lớp tư và đã hiểu rõ cách-thức tập-đọc, nhưng còn vấp phải nhiều chỗ như cách đọc mấy chữ khó. Vậy trước khi bắt mỗi trẻ-con đọc thì giáo-chức phải dạy chúng cách đọc mấy chữ khó ấy. Mấy chữ ấy cần được viết lên bảng đen để toán lớp cùng nhìn rõ và cùng đọc.

Sau đó, giáo-chức đọc toàn bài, phát-âm rõ-ràng với

một giọng hợp-lý sau khi đã giảng-giải cách-đọc. Trẻ-con toàn lớp sẽ noi gương giáo-chức mà đọc lại toàn bài.

Sau đó là sự tập-đọc cá-nhân.

Không theo một thứ-tự nào, giáo-chức gọi lên nhiều trẻ và bảo chúng đọc từng trẻ một. Giáo-chức sửa chữa các chỗ đọc sai sau khi trẻ-con đã đọc trọn một câu. Trong trường-hợp này, giáo-chức bảo toàn lớp tìm ra chỗ đọc sai ấy và gọi một vài trẻ đứng lên phê-bình và sửa-chữa các chỗ sai ấy. Sau cùng, giáo-chức cho ý-kiến tối-hậu. Giáo-chức không nên chận đứng trẻ-con để sửa-chữa chỗ đọc sai nếu chúng chưa đọc hết câu.

Kế đến phần giải-nghĩa các chữ khó làm cho toàn bài tối nghĩa. Trước hết giáo-chức gọi một ít trẻ con đứng lên để giải nghĩa mấy chữ khó. Nếu sự giải thích ấy không được hoàn-bị thì giáo-chức phải tự đảm đương lấy việc ấy. Một bài tập đọc chỉ được có 2 hay 3 chữ khó là cùng. Nếu bài ấy có rất nhiều chữ khó thì đó là bằng chứng cụ-thể rằng bài đọc không vừa sức trẻ con : nó cao quá. Cần thay thế bài ấy bằng một bài khác vừa sức chúng.

Thường một bài Tập đọc bị biến thành một bài Ngữ-vựng hoặc một bài Văn-phạm. Câu ấy có nghĩa là : trong giờ tập-đọc đúng lý ra giáo-chức phải cho trẻ con đọc thật nhiều thì trái lại giáo-chức quá ư chú-trọng về sự giải-nghĩa các chữ trong bài, hoặc quá ư chú-trọng về sự áp-dụng các mẹo luật văn-phạm cho nhiều chữ, nhiều câu trong bài.

Sau cùng giáo-chức cho toàn lớp đọc một đoạn một cách ăn nhịp nhau và đúng giọng để chữa tật nói lắp (cá lăm) và nói đót (như : cá rò thì gọi là : cá gò).

Phút chót của bài có thể dành cho sự quan-sát về chính-tả của một vài chữ.

4) MÔN TẬP-ĐỌC Ở LỚP NHÌ, LỚP NHỨT VÀ LỚP TIẾP-LIÊN.

a) Mục-đích.— Ở lớp nhì, lúc đầu môn Tập-đọc vẫn còn là môn tập đọc cho thông và sau rồi dần dần đọc cho có giọng (lên xuống, mau khoan, hỉ nộ, ai, lạc) tùy đoạn để tỏ ra trẻ con hiểu nghĩa của bài đọc. Làm như thế là nhấn mạnh vào mối liên-quan giữa tư-tưởng và lời nói.

Ở lớp nhì, lớp nhứt và lớp tiếp-liên, môn Tập-đọc có ba mục đích sau đây :

Mục-đích thứ nhứt : Tập cho học-sinh đọc rõ ràng và khôn-ngoan nghĩa là : đọc cho hay.

Mục-đích thứ nhì : Mở các năng-khiếu của chúng như trí-khôn, cảm-giác-tính (la sensibilité), ý-chí và nuôi tinh-thần chúng bằng những ý-tưởng tổng-quát.

Mục-đích thứ ba : Cuối niên-khóa cho chúng đọc những trang trích trong các tác-phẩm của các đại văn-hào Việt-Nam.

Vậy sách tập-đọc phải được chọn-lựa kỹ-lưỡng.

b) Cách dạy môn Tập-đọc ở các lớp này.

Trước khi giáo-chức nói ý-nghĩa tổng-quát của bài giáo-chức đọc bài với một giọng rõ-ràng, lên xuống, mau chậm đúng chỗ. Hỉ, nộ, ai, lạc đều tùy chỗ mà có. Có như thế học-sinh mới cảm-thông nghĩa của bài và sẽ hiểu một cách dễ-dàng những điều mà giáo-chức sẽ giảng-giải.

Giáo-chức giải-nghĩa các chữ khó và tóm-tắt ý-kiến tổng-quát của mỗi đoạn để lập dàn-bài tổng-quát của bài. Giáo-chức bảo học-sinh đọc đi đọc lại nhiều lần và suy-nghĩ nhiều mới có thể tóm-tắt ý-nghĩa tổng-quát của bài bằng một câu được. Giáo-chức tập học-sinh nghiên-cứu

cách hành-văn trong bài, nhất là trong sự trình-bày ý-nghĩa tổng-quát.

Cần cho chúng phân-tách toàn bài ra nhiều đoạn và trong mỗi đoạn làm nổi bật những tư tưởng đặc-biệt. Các tư-tưởng ấy phải được qui về ý-nghĩa tổng-quát của bài.

Giáo-chức không nên nói một mình và phải gọi nhiều học-sinh đứng lên tìm ra những thành-phần của dàn bài, những điểm quan-trọng, ý-nghĩa các chữ khó. Toàn lớp đều tham dự vào các công việc này, không nên biến một bài Tập-đọc ra một bài Văn-phạm, một bài Ngữ-vựng, một bài Sử-ký hoặc một bài Địa-lý v. v... bằng cách nắn mạnh vào một vai chi tiết về Văn-phạm, về Sử-ký, về Địa-lý hoặc về Ngữ-vựng mà quên mất mục-đích chính của môn Tập-đọc ở các lớp này.

Nếu một học-sinh đọc sai thì giáo-chức nên gọi một học-sinh khác đứng lên sửa-chữa chỗ sai bằng cách đọc lại đoạn ấy cho đúng giọng rồi cho toàn lớp phê-bình.

Không nên chận học-sinh ở giữa câu để hỏi chúng.

Cần coi chừng sự ngừng-ngỉ trong khi học-sinh đọc đúng với giá-trị các chấm, phết, v.v...

Cần bảo học-sinh chú-ý đến những chữ quan-trọng trong bài.

Sau khi đã đọc và giải-nghĩa xong một đoạn của bài, giáo-chức bảo học-sinh tóm-tắt ý-nghĩa đoạn ấy hoặc bằng miệng, hoặc bằng bài viết. Nhờ thế học-sinh sẽ tập phân-biệt ý chính, ý phụ và phô-diễn tư-tưởng của chúng.

Một bài Tập-đọc ở các lớp nói trên cần được dạy đúng theo các điểm sau đây :

Điểm một : Giới-thiệu bài đọc bằng một vài câu. Bài ấy sẽ được đọc tất.

Điều hai : Giải-nghĩa vắn-tắt những chữ khó, những ý-tưởng (ý-tưởng tổng-quát, ý-tưởng phụ-thuộc).

Điều ba : Sự tập-đọc cá-nhân có kèm theo sự giải nghĩa một vài chữ khó trong mỗi đoạn đã được đọc.

Điều bốn : Dàn-bài của toàn bài hoặc của một và đoạn bằng miệng hoặc bằng bài viết.

5^o) Sự đọc sách êm-lặng. (La lecture silencieuse).—

Ở lớp nhì, lớp nhứt cùng lớp tiếp-liên người ta có thể áp-dụng phương-pháp *đọc sách êm-lặng* nghĩa là đọc sách bằng đôi mắt và hiểu ý-nghĩa của bài sách một cách thâm-kín trong tâm-hồn chớ không biểu-lộ ra ngoài bằng lời nói. Nếu bài Tập-đọc quá dài thì giáo-chức chỉ cho đọc tại lớp một ít đoạn thôi. Còn mấy đoạn chót giáo-chức giao cho tất cả học-sinh về nhà tự đọc lấy và tóm-tắt ý-nghĩa dưới hình-thức một bài-viết đề kỳ sau trình lên cho giáo-chức xem và phê-bình. Cách áp-dụng sự đọc sách êm-lặng là như thế.

6^o) Những bài-làm liên-hệ đến bài Tập-đọc.

Sau khi dạy bài Tập-đọc rồi, giáo-chức có thể trích ra một đoạn để làm bài Âm-tả, bài Ngữ-vựng hoặc bài áp-dụng các mẹo, luật Văn-phạm, hoặc đề-tài một bài Tác-văn.

D) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại, môn Tập-đọc là một trong các môn-học quan-hệ nhất trong chương-trình tiểu-học. Nó là môn tiếp-sức một cách hữu-hiệu cho các môn khác như : Tác-văn, Luân-lý, Âm-tả, Ngữ-vựng, Văn-phạm v.v... Người ta có thể nói rằng : môn Tập-đọc là trung-tâm điểm của các môn trong chương-trình.

III. TẬP-VIẾT

A) SỰ ÍCH-LỢI CỦA MÔN TẬP-VIẾT.

Môn Tập-viết là một môn có tinh - cách một khi-cụ của khoa giáo-dục. Câu ấy có nghĩa là : phải biết viết trước đã rồi mới học qua các môn khác được.

Ngày nay ; muốn viết một công - văn, một tờ giấy gì người ta dùng máy đánh chữ để thay thế cho sự viết chữ bằng tay. Vì thế mà ngày nay môn Tập-viết đã mất gần hết ý-nghĩa của nó. Tuy nhiên, trong một ít trường-hợp, người ta còn cần chữ viết bằng tay. Thí-dụ : Viết các con số vào sổ thâu-xuất của một hãng buôn, viết công - văn mật, viết thư mật hoặc thư thường, viết toa thuốc, ký tên trong các giấy tờ, các khế-ước v.v...

B) TRẬT - TỰ PHẢI THEO TRONG KHI DẠY MÔN TẬP-VIẾT.

LỚP NĂM.— Trong khi dạy Tập-đọc giáo-chức dạy trẻ con tập viết luôn. Sau khi đã dạy chúng đọc các chữ cái, rồi đến các vần (vần xuôi, vần ngược) giáo - chức dạy chúng viết luôn các chữ cái, các vần. Mỗi chữ cái, hoặc mỗi vần (xuôi hoặc ngược) là đề-tài của mỗi buổi tập đọc và tập viết.

a) Cách viết. Đến giờ Tập-viết, giáo-chức dạy trẻ lấy bảng đá con và phấn lên cho sẵn và bảo chúng chăm-chỉ ngó lên bảng đen. Lúc ấy giáo-chức lấy phấn và chầm-chậm viết lên chữ cái vừa mới đọc được. Giáo-chức chỉ cách viết thành phần nào trước, thành phần nào sau trong chữ, hình của mỗi thành phần, chiều cao, chiều rộng, và dạy trẻ con ngó theo ngón tay của giáo-chức mà viết trên không-trung chữ cái, hoặc vần ấy nhiều lần cho quen tay. Đoạn giáo-chức ra hiệu-lệnh cho tất cả trẻ con cùng viết chữ ấy, vần ấy vào bảng đá con. Đến hiệu-lệnh thứ nhì

thì các bảng con đều được giơ lên, Giáo-chức cho khuyên-
điềm mấy chữ tốt, sửa chữa các chữ xấu.

Sau khi trẻ con đã viết chữ trong bảng đá con quen
rồi và nét chữ đã khôn thì giáo-chức mới cho chúng viết
vào tập vở bằng viết mực. Các chữ viết như thế phải
thuộc cỡ lớn và loại chữ không hoa. Một chữ cái một vần
được viết đi viết lại nhiều lần. Cỡ của chữ là 3 ly đến 4 ly.

Cuối niên-khóa, trẻ con ở lớp năm đã viết được rồi
và chữ viết chưa sạch mấy.

b) Trật-tự phải theo trong sự nghiên-cứu các chữ cái.

Trong khi dạy trẻ con viết các chữ cái, giáo - chức
cần theo trật-tự sau đây :

Loại thứ nhất : Do chữ **i** mà phát - sinh ra các chữ
cái khác là : u, r, t.

Loại thứ nhì : Do chữ **n** mà phát - sinh ra các chữ
cái khác là : m, r, p, v.

Loại thứ ba : Do chữ **e** mà phát-sinh ra các chữ cái
khác là : o, ô, ơ, a, d, đ, q, e, x.

Loại thứ tư : Do chữ **j** mà phát - sinh ra các chữ cái
khác là : y, g.

Loại thứ năm : Do chữ cái **I** mà phát-sinh ra các
chữ cái khác là : h, k, b, f.

Loại thứ sáu : Các chữ cái s, j, z, không phát - sinh
ra chữ cái nào khác. Chữ hoa cũng có thể sắp thành
nhiều loại như chữ không hoa vậy.

Lời dặn về cách dạy tập viết.

Điểm một : Sắp các chữ cái thành nhiều loại.

Điểm hai : Tập viết các chữ từ loại dễ đến loại khó.

Điểm ba : Mỗi chữ cái là đề-tài của một bài học.

Điểm bốn : Cho trẻ con ráp chữ cái thành vần, các vần thành tự (*les mots*) và những tự thành những câu ngắn.

C) MÔN TẬP-VIẾT VỚI VẤN-ĐỀ VỆ-SINH.

Có hai lối viết chữ: lối viết chữ xiên và lối viết chữ đứng.

Chữ xiên. — Ấy là lối chữ viết từ xưa đến nay.

Phần lợi : Viết chữ theo lối này rất mau.

Phần hại : Tập vở để xéo trên bàn có hại cho con mắt trẻ con (bệnh lé mắt, cận-thị).

Trẻ con ngồi không ngay-ngắn. Xương-sống của chúng lâu ngày sẽ mang tật vẹo.

Chữ đứng. —

Phần lợi : Tập vở để ngay trước mặt trẻ con. Chúng bị buộc ngồi ngay-ngắn. Như vậy lối viết chữ này không có những sở-đoạn của lối trên, nhứt là về phương-diện vệ-sinh.

Phần hại : Lối viết chữ này chậm hơn lối trên.

D) NHỮNG TẬP-VỞ — NHỮNG KIỂU MẪU-CHỮ.

Dành cho trẻ em lớp năm, trước kia người ta có tạo ra một thứ vở riêng-biệt, mỗi trang đều được kẻ một cách đặc-biệt. Hàng đầu của mỗi trang có viết sẵn những chữ kiểu-mẫu bằng những nét mực nhẹ. Trẻ-con cứ coi theo đó mà đồ, cho đến khi trẻ viết một mình được mới thôi.

Chững ấy giáo-chức sẽ viết chữ kiểu-mẫu lên bảng đen và trẻ-con sẽ coi theo đó mà viết vào tập-vở kẻ riêng biệt hoặc vào tập-vở thường cho quen.

Sự dùng « tập-đồ » chỉ được áp-dụng cho trẻ-con lớp năm, lớp tư mà thôi. Từ lớp ba trở lên thì không nên dùng các tập ấy nữa.

Tốt hơn là ở lớp năm, nhất là ở lớp tư, thay thế các tập vở trong đó đã có viết sẵn các chữ kiểu-mẫu bằng những tập-vở trong đó có những trang giấy có kẻ sẵn theo lối riêng biệt dành cho sự tập-viết, nhưng không có những chữ kiểu-mẫu viết sẵn.

E) BÀI DẠY TẬP-VIẾT.

Cách dạy gồm ba phần như sau :

Phần nhất : Sau khi đã kẻ lên bảng đen những đường thẳng giống như các đường thẳng trong tập-vở dành riêng cho việc ấy, giáo-chức giải-thích cách viết các chữ kiểu-mẫu trên bảng đen. Giáo-chức phân-tách từng thành-phần của chữ ấy và viết lên trên bảng đen sau khi bảo trẻ con chú ý. Giáo-chức bảo trẻ con lập lại các danh-từ, từ-ngữ đặc-biệt áp-dụng cho sự giải-thích ấy : Thi-dụ : cái móc, cái ngang, nét đậm, nét lợt v. v...

Nên viết chữ kiểu-mẫu ngay đầu giờ tập viết, trước mặt toàn cả học-sinh để chúng chú-ý đến điệu-bộ, cử-chỉ của giáo-chức, để rồi chúng sẽ làm theo.

Trong khi các trẻ cầm viết giơ lên, giáo-chức dạy chúng viết trên không-trung (viết chữ bóng), chữ kiểu-mẫu để chúng quen tay (Điều này chỉ áp-dụng cho các lớp năm và tư mà thôi).

Phần hai : Kể đó trẻ con bắt đầu viết vào tập.

Trong việc ấy thì giáo-chức đi từ bàn này đến bàn nọ, sửa cách ngồi (không nên áp ngực vào cạnh bàn) và cách cầm cây viết, đầu không quá nghiêng, cái trán cách xa tập-vở từ 30 tới 35 phân thôi.

Nếu có nhiều trẻ viết sai thì thỉnh thoảng giáo-chức

ra lệnh cho toàn lớp ngừng bút và ngó lên bảng đen để nghe giáo-chức giải-nghĩa.

Trước khi trẻ viết, giáo-chức ra hiệu-lệnh để chúng cùng viết một lượt không quá mau và cũng không quá chậm. Kế giáo-chức ra lệnh thứ nhì để chúng cùng viết hàng kế một lượt và như thế đến cuối giờ học.

Phần ba : Sự sửa bài.— Sự sửa bài có hai cách : cá-nhân và công-cộng.

Sự sửa bài theo lối cá-nhân : Trong khi các trẻ tập viết, giáo-chức đi sau lưng chúng, sửa cách viết chữ nếu có sự sai biệt quá lớn.

Sự sửa bài theo lối công cộng : Ấy là sự chữa các chỗ sai của toàn lớp trên bảng đen.

F) CÁCH VIẾT CHỮ IN.

Thư chữ này rất cần trong những trường-hợp đặc-biệt như vẽ lược-đồ chuẩn-họa (croquis côtelé), vẽ dư-đồ, vẽ chương-trình, vẽ quảng-cáo v.v...

Thư chữ này cũng được chia ra làm nhiều loại như thư chữ viết thường đã nói trên để trẻ con dễ học : thư chữ in thường và thư chữ in hoa, chỉ được dạy ở lớp nhì để giúp học-sinh đọc sách dễ-dàng.

Người ta viết lối chữ này với một cây bút chì đen và mềm, với ngòi viết mềm và lớn nét.

Chữ in không hoa theo lối « europe »

a b c d e f g h i j k l m n o p q r s t u v w x y z

Chữ in hoa theo lối « europe »

A B C D E F G H I J K L M N

O P Q R S T U V W X Y Z

Chữ số viết theo lối « europe »

1 2 3 4 5 6 7 8 9 0

G) KẾT-LUẬN.

Nói tóm lại bắt buộc học-sinh viết chữ cho tốt là điều không quan-trọng lắm. Nhưng một giáo-chức có lương-tâm nhà nghề không thể dạy cầu-thả môn Tập-viết được. Dù sao tập học-sinh viết cho tốt và cho sạch là tập chúng biết tự-trọng, biết trình-bày ý-kiến của chúng một cách rành-mạch, có trật-tự. Lại nữa, lối chữ viết của một cá-nhân ngày hôm nay được coi như sự biểu-lộ ra ngoài tinh-tinh của cá-nhân ấy. Cá-nhân được kính-trọng hay bị coi rẻ một phần cũng do lối chữ viết mà ra, nhất là đối với những người biết coi tuồng chữ mà đoán tinh-tinh người.

IV. ÁM-ĐỘC (Bài học thuộc lòng)

(Chương-trình và thời-gian mỗi tuần dành cho môn Âm-độc đã được nêu lên trong mục nói về môn Tập-đọc).

A) NHỮNG ÍCH-LỢI CỦA MÔN ÁM-ĐỘC.

1^o) Môn Âm-độc mở-mang năng-khiếu ký-ức của trẻ con.

Năng-khiếu ký-ức thực ra không phải là điều đáng khinh mà là một năng-khiếu rất quý-báu. Chúng ta thử tưởng-tượng một trẻ con rất thông-minh với một năng-khiếu ký-ức rất kém thì chúng ta sẽ nhận thấy ngay sự khó-khăn của trẻ ấy trong việc học-hành.

Năng-khiếu ký-ức giúp các năng-khiếu khác mở-mang bằng cách giúp tài-liệu cho các năng-khiếu ấy và giữ-gìn những trí-thức, những ký-ức đã thu-thái được.

Vậy, năng-khiếu ký-ức cần được bổ-sung, phát-triển thêm lên.

2^o) Môn Âm-độc chuẩn-bị môn Tác-văn.

Thường trẻ con kém về môn Tác-văn là vì chúng rất thiếu-thốn, rất nghèo về ý-kiến và về ngữ-vựng.

Môn Âm-độc giúp chúng bổ-túc hai điều thiếu-sót ấy bằng cách tập cho chúng diễn-đạt tư-tưởng một cách rành-mạch, văn-chương, thu-thập được nhiều tư-tưởng đẹp, nhiều chữ mới (tự mới) làm cho ngữ-vựng của chúng mỗi ngày một dồi-dào.

Bởi các lẽ đó, bài Âm-độc cần được lựa chọn kỹ-lưỡng về cách hành-văn cũng như về ý-nghĩa. Các bài ấy, một khi đã được học thuộc, sẽ ở trong tâm-hồn trẻ rất lâu và sẽ tham-dự vào sự quyết-định thái-độ và hành-vi của trẻ sau này.

3^o) Môn Âm-độc cho trẻ con quen biết danh-tính các nhà đại-văn-hào Việt-Nam.

Qua các bài Học thuộc lòng cần cho trẻ con biết danh-tính các nhà đại-văn-hào Việt-Nam để chúng có một ý-niệm về nền văn-hiến nước nhà.

4^o) Môn Âm-độc giúp trẻ con có một thị-hiểu, một thú-vị (le goût) chắc-chắn về văn-chương nước nhà.

Nhờ có bài học thuộc-lòng có một giá trị văn-chương đặc-biệt, các trẻ con mới cảm-thông được hồn thơ, âm-điệu, tiết-tấu của tiếng mẹ, và gián-tiếp yêu-mến quê cha đất tổ thêm lên. Khi đọc các bài ấy lên với một giọng thích-ứng tựa hồ như bên tai chúng có muôn ngàn người xưa nói chuyện với chúng; khuyên-răn, dạy-bảo cũng có, mà trách-móc cảm-hờn cũng có.

5^o) Môn Âm-độc sửa giọng nói trẻ-con cho được hay.

Trong khi học thuộc-lòng một bài, trẻ-con phải đọc đi đọc lại bài ấy nhiều lần cho thuần-thục. Nhờ thế mà chúng phát-âm rõ-ràng, không trại-be, dả-dớt, không nói lắp (cà-lăm).

6^o) Môn Âm-độc đi lần đến sự mở-mang tâm-hồn trẻ-con.

Các bài Học thuộc lòng, lẽ tất-nhiên có rất nhiều ý-tưởng cao-siêu, thanh-khiết về đạo-dức luân-lý. Các ý-tưởng ấy dần dần tập trẻ-con suy-nghĩ, biện-phân tà-chánh và cuối cùng có một tâm-hồn cao-thượng. Các ý-tưởng ấy sẽ nhập-tâm và sẽ trở thành tư-tưởng của chúng. Về phương-diện này ở các lớp nhỏ (năm, tư, ba) một bài văn-văn dễ học và dễ nhớ hơn một bài văn xuôi.

B) CÁCH CHỌN BÀI ÁM-ĐỌC.

Giáo-chức phải có một tập riêng để ghi vào đó những bài được chọn làm bài Âm-đọc.

1o) *Bài Âm-đọc phải vừa sức học-sinh.*

Ở lớp năm, lớp tư và lớp ba, bài phải là một bài văn-văn ngắn.

Ở lớp nhì, lớp nhất và lớp tiếp-liên, bài học phải dài và có phần khó hơn loại bài các lớp nói trên.

Ở các lớp này, ngoài các bài học bằng văn-văn lại có bài học bằng văn xuôi nữa, nhưng với một số ít.

2o) *Bài Âm-đọc phải hợp với tính-chất của nhà trường.*

Bài Âm-đọc của trường nam học-sinh phải khác với bài Âm-đọc của trường nữ học-sinh.

Bài Âm-đọc của một trường ở thôn-quê phải khác với bài Âm-đọc của một trường ở đô-thị.

3o) *Các bài Âm-đọc cần có sự liên-quan mật-thiết với bài Luân-lý đã học trong tuần.*

Các bài Âm-đọc học trong tuần phải là bài áp-dụng, hoặc bài bổ-sung cho bài Luân-lý trong tuần.

4o) *Các bài Âm-đọc phải thúc đầy học-sinh có tinh-cách tích-cực chứ không phải tiêu-cực.*

Bài Âm-đọc phải khuyến-khích học-sinh làm điều phải,

điều lành, ưa hoạt-động. Cần tránh cho chúng học những bài có giọng bi-quan, yếm-thế, buồn-rầu. Các điều ấy không hợp với tuổi trẻ và sẽ có hại lớn.

C) CÁCH DẠY BÀI ÁM-ĐỘC.

1^o) Giáo-chức đọc bài một mình qua một lần với một giọng đọc rõ-ràng. Đoạn giáo-chức nói sơ ý-nghĩa của bài.

2^o) *Giáo-chức giải-nghĩa các chữ khó và nêu lên dàn bài.*

Số chữ khó trong bài độ hai hay ba là cùng. Nếu số chữ khó quá nhiều thì đó là bài quá sức của học-sinh, cần được thay thế bằng một bài khác.

3^o) *Giáo-chức bảo học-sinh nêu lên ý-nghĩa tổng-quát của bài học bằng một từ-ngữ, một câu ngắn.*

Trong khi giảng ba điềm này, giáo-chức áp-dụng phương-pháp chất-vấn để lớp học được linh-động.

4^o) *Toàn-thể học-sinh đọc bài chung rồi đọc riêng từng người.*

Giáo-chức sửa giọng đọc của mỗi học-sinh cho đến khi chúng đọc hay mới thôi.

Toàn lớp bắt đầu học thuộc-lòng hai câu đầu. Hai câu đầu thuộc rồi chúng sẽ học hai câu kế và như thế đến khi thuộc hết bài.

D) HỌC-SINH TRẢ BÀI ÁM-ĐỘC.

Có hai loại :

Học-sinh trả bài Ám-độc cũ, bài học tuần rồi.

Học-sinh trả bài Ám-độc vừa mới học xong.

Trong hai trường-hợp ấy, giáo-chức coi chừng chúng trả bài để sửa giọng đọc của chúng ; cần bắt chúng lên giọng, xuống giọng cho phải chỗ, phải phép.

E) KẾT - LUẬN.

Nói tóm lại trí ký-ức rất cần cho trẻ - con trong sự học tập. Nó được triệt-đề áp dụng trong môn Âm-độc.

Một cá-nhân thông-minh mà lại nhớ được nhiều và nhớ lâu là bậc hơn người. Công-nghiệp của các bậc ấy thật là lớn-lao bất cứ trong địa-hạt nào. Trong địa-hạt văn-chương ở nước ta về đời Trần có Trạng-nguyên Nguyễn-Hiền, và đời Lê Trung-hưng có Bảng-nhãn Lê-qui-Đôn.

Nhưng nếu cá-nhân chỉ phát-triển trí ký-ức mà bỏ-rơi óc suy-nghĩ trí-khôn sẽ bị trí ký-ức lấn-áp và cá-nhân sẽ là một cái « máy nói » một con « vẹt » thôi.

* * *

V. MÔN CHÍNH - TẢ

A) SỐ GIỜ DÀNH CHO MÔN CHÍNH - TẢ VÀ VĂN - PHẠM TRONG MỖI TUẦN. (Chương-trình tiểu-học 1959 của Bộ Quốc-gia Giáo-duc).

Lớp Năm

Chép bài hay Chính-tả ; 30 phút.

Lớp Tư

Chính-tả : 1 giờ 20'

Lớp Ba

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 50'

Lớp Nhì (Nam-sinh)

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

Lớp Nhì (Nữ-sinh)

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

Lớp Nhứt (Nam-sinh)

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

Lớp Nhứt (Nữ-sinh)

Chính-tả và Văn-phạm : 1 giờ 45'

B) CHƯƠNG-TRÌNH : CHÍNH-TẢ — VĂN-PHẠM — TẬP VIẾT (Bộ Quốc-gia Giáo-dục : Chương-trình tiểu-học 1959).

Lớp Năm

Chính-tả : Khi học-trò đã viết tràm được thì cho viết tràm những câu ngắn đã đọc hoặc đã học thuộc-lòng. Trước thời-kỳ ấy, chỉ viết tràm những tiếng một, rồi tập chép những câu ngắn đã học hoặc đã đọc.

Tập viết : Học bài nào viết bài ấy. Tập viết số từ 1 đến 10.

Văn-phạm : Không có.

Lớp Tư

Chính-tả : Viết tràm những bài ngắn có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngữ-vựng (có thể trích trong các bài Tập-đọc hoặc học thuộc-lòng). Tập viết các dấu (dấu chữ, dấu giọng, dấu câu) cho đúng và đặt cho đúng chỗ : dấu phẩy (phết), dấu chấm câu, chấm phẩy (chấm phết), hai chấm, nhiều chấm gạch nối, chấm gạch, dấu hỏi ; phẩy chấm (dấu than), ngoặc đơn, ngoặc kép, xuống dòng (qua hàng) và viết lùi vào đầu dòng, chấm hết (chấm dứt).

Văn-phạm : Không có.

Tập viết : Tập viết chữ thường lớn nửa khổ. Giải về cách viết từng chữ, từng tiếng.

Lớp Ba

Chính-tả : Viết trâm những bài ngắn độ 5, 6 dòng có tương-quan với chương-trình Đức-dục và Ngữ-vựng (có thể trích ở các bài Tập-đọc hoặc Học thuộc-lòng). Nên đề ý đến tự-dạng và cách đặt các dấu (dấu chữ, dấu giọng, dấu câu), cho đúng chỗ, trong bài Chính-tả cũng như trong bài học, bài làm.

Văn-phạm : Không có chương-trình Văn-phạm riêng.

Chỉ nhấn mạnh về 2 dấu giọng « hỏi » và « ngã » cần phân-biệt, không cho lẫn lộn nhau.

Tập viết : Tập viết chữ thường lớn nửa khổ, chữ hoa lớn nửa khổ. Tập viết chữ số.

Lớp Nhì

Chính-tả : Viết trâm những bài ngắn độ 10 dòng, chọn ở những tác-phẩm văn xuôi gần đây có tương-quan với chương-trình Ngữ-vựng và Đức-dục. Thầy giáo đọc theo giọng thông thường để học trò nghe cho quen, khi gặp người tỉnh khác đọc khỏi bỏ ngỡ. Đề ý đặc-biệt đến cách đặt các dấu chữ, dấu giọng, dấu câu cho đúng chỗ, trong bài Chính-tả cũng như trong bài học, bài làm.

Văn-phạm : (dùng bài Chính-tả hoặc Tập-đọc mà dạy).

Phân-biệt các loại tiếng chính (danh-từ, động-từ...) và đề ý về các « loại tự » dùng để chỉ riêng về người, về đồ-vật v.v... (con, cái, cây, chiếc...).

— Những điều cương-yếu về ngữ-pháp : nhận-xét các phần chính (chủ-từ, động-từ, túc-từ, trạng-từ) và vị-trí của mỗi phần trong một câu đơn :

a {
 Câu chỉ việc chủ-động.
 Câu chỉ việc thụ-động.
 Câu chỉ đức-tính, tình-trạng.

- b {
 Câu nói thường.
 Câu đề hỏi.
 Câu đề than (cách dùng những từ - ngữ riêng
 đề hỏi hoặc đề than).

Tập viết : Viết chữ nhỏ, chữ vừa (lỗi thường và lỗi hoa). Viết những câu ngắn có ý-nghĩa.

LỚP NHỨT

Chính tả : Viết trằm những bài dài độ 15 dòng, có tương-quan với chương-trình Ngữ-vựng, Văn-phạm và Đức-dục. Đề ý một cách đặc-biệt đến cách phát-âm và lối viết các phụ-âm đầu như : ch và tr, d, gi, và r, v và d, s, x, cũng như phụ-âm c, t, n, ng. Giải-nghĩa tiếng thông-thường, tìm ý-nghĩa chính của bài Chính-tả.

Văn-phạm : (dùng bài Chính-tả hoặc Tập-đọc mà dạy) : Ôn lại chương-trình lớp nhì.

Những điều cương-yếu về ngữ-pháp.

— Nhận xét về cách nối liền 2, 3 câu đơn thành một câu kép với những từ-ngữ : *và, thì, hoặc v.v...*

— Nhận-xét về cách chuyển-tiếp từ ý này sang ý khác hoặc từ đoạn này sang đoạn khác, với những từ-ngữ : *cho nên, tuy nhiên, nhưng mà v.v...*

— Phân tách từ-loại :

— *Tập viết* : Ôn lại chương-trình lớp Nhì, thêm chữ khổ lớn và chữ « rộng ».

C) MỤC-ĐÍCH.

Mục-đích của môn Chính-tả là :

1^o) Dạy học-sinh viết cho đúng chữ dùng theo qui-tắc chính-tả thông-thường.

2^o) Day học-sinh viết cho đúng qui-tắc Chính-tả, văn-phạm.

3^o) Bồi-túc và làm vững chắc các tri-thức của học-sinh.

Cần phân-biệt : Âm-tả với Chính-tả văn-phạm và Chính-tả theo thủ-tục thường.

a) *Chính-tả văn-phạm* : Là lối dạy viết chữ đúng theo mẹo luật văn-phạm. Trước khi đọc bài cho học-sinh viết, giáo-chức nói đại-ý bài, giải-nghĩa một ít chữ khó, sau khi đã đọc qua một lượt, cho viết các chữ khó ấy, bảo học-sinh chú-ý đến sự áp-dụng các mẹo luật văn-phạm, bảo chúng đánh vần các chữ khó ấy. Các công việc này được gọi là cuộc chuẩn-bị. Đã được chuẩn-bị như thế thì bài chính-tả do mỗi trẻ viết ra phải rất ít lỗi. Có như thế thì bài Chính-tả mới có ý-nghĩa vì chữ chính có nghĩa là ngay thẳng, dùng mẹo-luật, không quanh-co.

b) *Chính-tả theo thủ-tục thường* : Ấy là một loại Chính-tả cũng được chuẩn-bị và viết theo lối trên. Nhưng ở đây không có sự áp-dụng các mẹo-luật văn-phạm mà là sự áp-dụng các chữ thường dùng xưa nay. Các chữ ấy, đã được dùng theo thủ-tục lâu rồi và nhiều khi trái ngược với mẹo luật văn-phạm. Một bài chính-tả viết như thế này cũng phải cần ít lỗi.

c) *Âm-tả* : Tức là lối viết mò, không có sự chuẩn-bị trước, (la dictée).

Mỗi tháng một lần, nhứt là đến kỳ-thi sơ lục-cá-nguyệt, sau khi học-sinh đã học nhiều mẹo-luật văn-phạm và sau khi chúng đã được viết nhiều lần mấy chữ thông-thường, một bữa kia giáo-chức bảo chúng viết một bài mà chúng chưa được đọc trước, chưa có một sự chuẩn-bị nào. Tuy nói thế chớ học-sinh có thể áp-dụng những chữ vừa học

rồi vào những mẹo-luật văn-phạm mà viết ra được. Đó là một cách kiểm-soát những bài văn-phạm đã học rồi.

D) PHƯƠNG-PHÁP DẠY MÔN CHÍNH-TẢ.

Phương-pháp này căn-cứ vào khoa tâm-lý-học bằng sự phân-tách ký-ức của mỗi chữ viết ra làm bốn loại như sau :

Thị-giác ký-ức (souvenir visuel).

Thính-giác (souvenir auditif).

Phát-âm ký-ức (souvenir phonétique).

Đồ-tả ký-ức (souvenir graphique).

Một chữ viết (một tự) cần được ghi sâu vào trí-não trẻ-con dưới hình thức bốn loại ký-ức này.

Vậy giáo-chức phải hành-động như sau :

1^o) Viết bài chính-tả lên bảng-đen (ở lớp nhì, lớp nhứt chỉ viết các chữ khó mà thôi).

2^o) Giáo-chức đọc bài ấy với một giọng rõ-ràng và tất cả học-sinh đều dò theo bằng cặp mắt. Kế đến phiên chúng đọc lớn (đọc chung rồi đọc riêng từ cá-nhân).

3^o) Giáo-chức giải-nghĩa một ít chữ khó và nói đại-ý của bài.

4^o) Giáo-chức cho học-sinh viết vào bảng-đá con các chữ khó, đánh vần các chữ ấy rồi bôi-xóa các chữ ấy.

5^o) Giáo-chức cho xây hoặc dấp bảng-đen để giấu bài Chính-tả.

6^o) Đoạn giáo-chức đọc chậm-chậm từng câu một cho học-sinh viết. Mỗi câu được đọc hai lần. Học-sinh viết chậm nhất trong lớp được chỉ-định đọc lại mỗi câu sau

khi nghe giáo-chức đọc lần thứ hai và sau khi đã viết xong câu ấy.

7o) Đến lượt bài Chính-tả : Sau khi đã đọc lại toàn bài lần cuối cùng, giáo-chức ra lệnh cho các học-sinh cắt cây viết mực vào học-tủ và đưa bút chì lên. Đoạn giáo-chức cho lật (hay quay) bảng đen lại. Mỗi học-sinh coi theo bài viết trên ấy mà sửa những lỗi trong bài mình. Trong lúc ấy, thành-linh giáo-chức đến chỗ này rồi lại sang chỗ khác để kiểm-soát sự sửa bài của mỗi học-sinh xem có chu-đáo không ?

Nếu trước đó sự chuẩn-bị được chu-đáo thì mỗi học-sinh viết bài rất ít lỗi. Trái lại, là bài dạy không đạt được kết-quả mong-muốn.

Đó là phương-pháp phòng-ngừa (mesure préventive). Nguyên-tắc chính là : « Không khi nào bắt trẻ-con viết một chữ mà chúng chưa hề thấy, hoặc biết ». Như vậy, loại bài Âm-tả ngày xưa được soạn ra cốt để đánh lừa trẻ-con mắc vào cạm-bẫy là một việc làm phản sư-phạm và ngày nay loại bài như thế không được dùng.

E) CÁC MÔN KHÁC TRONG CHƯƠNG-TRÌNH TRỢ-LỰC CHO MÔN CHÍNH-TẢ.

Trợ-lực môn Chính-tả bằng cách giúp học-sinh biết và viết được nhiều tiếng mới lạ (các tự : les mots) thì có các môn sau đây trong chương-trình : Luân-lý, Công-dân giáo-dục, Sử-ký, Địa-lý, Quan-sát v.v...

Khi đọc các môn này các tiếng mới cần được học-sinh ghi vào tập riêng.

Giáo-chức có thể trích trong bài học về mỗi môn đó một bài Chính-tả cho sửa sau.

F) CÁCH CHỌN BÀI CHÍNH-TẢ VÀ CÁCH DẠY MÔN NÀY Ở CÁC LỚP SƠ-TIỂU.

1^o) Bài Chính-tả phải vừa sức học-sinh của mỗi lớp.

Bài ấy phải có ý-nghĩa và thích-thú.

2^o) Cách áp-dụng phương-pháp phòng ngừa :

a) Ở lớp Tư : Bài Chính-tả phải mật-thiết liên-hệ đến bài Tập-đọc và Tập-viết. Trước hết trẻ con viết trên bảng đá con của chúng những « tự », những câu trích trong bài Tập-đọc mà giáo-chức đã nêu lên bảng đen. Học-sinh đánh vần các tự trong các câu ấy và chăm chỉ nhìn các hình viết ấy. Kế đó chúng đánh vần mò các tự ấy. Giáo-chức bôi xóa tất cả trên bảng đen và đọc cho học-sinh viết lại các tự, các câu ấy. Bài Chính-tả phải ngắn.

b) Ở lớp Ba : Bài Chính-tả gồm những câu rời hoặc một bài có ý-nghĩa ; đơn-giản và ngắn. Bài ấy được chép lên bảng đen. Giáo-chức đọc bài ấy với một giọng rõ-ràng và lớn tiếng. Học-sinh đọc lại và phát-âm cho đúng.

Giáo-chức cho xây bảng đen lại và đọc cho học-sinh viết.

Giáo-chức có thể lấy đoạn chót của một bài giảng-văn đã được giải-nghĩa và đọc tuần rồi làm bài Chính-tả. Bài ấy không còn viết lên bảng đen vì đã có ở trong sách tập đọc của học-sinh. Học-sinh sẽ xem vào sách mà đánh vần các tự mới, khó viết và sau khi xếp sách lại thì đánh vần mò các tự ấy. Kế rồi giáo-chức đọc bài cho chúng viết.

e) Ở lớp Nhì, lớp Nhứt và lớp Tiếp-liên.

Ở các lớp này bài Chính-tả sẽ dài và khó hơn :

Từ 10 đến 12 câu ở lớp nhì.

Từ 12 đến 16 câu ở lớp nhứt và lớp tiếp-liên.